



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 08 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/ of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm và Dịch vụ
Laboratory: Laboratory and Service Department

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: Công ty Cổ phần Điện Gia Lai
Organization: Gia Lai Electricity Joint Stock Company (GEC)

Số hiệu/ Code: VILAS 878

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Điện - Điện tử
Field: Electrical – Electronic

Người quản lý: Phạm Ngọc Phúc
Laboratory manager: Pham Ngoc Phuc

Hiệu lực công nhận:
Period of Validation: Kể từ ngày /08/2026 đến ngày /08/2031

Địa chỉ: Số 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Address: No. 114, Truong Chinh street, Pleiku ward, Gia Lai province

Địa điểm: Số 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Location: No. 114, Truong Chinh street, Pleiku ward, Gia Lai province

Điện thoại/ Tel: 0269 3823604; 0905653540

Email: vilas878@geccom.vn

Website: www.geccom.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 878

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện-Điện tử (x)

Field of testing: Electrical-Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Máy điện quay <i>Rotating Electrical Machine</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	0,1 kΩ/(5 kΩ ~ 15 TΩ) 1 V/(500~5000) V	IEEE Std 43™ -2013 IEEE Std 62.2 -2004
2.		Kiểm tra độ bền của điện môi ($U_r \leq 35$ kV) <i>Power frequency withstand voltage test (with $U_r \leq 35$ kV)</i>	0,1 kV/(1 ~ 130) kVAC 0,1 kV/(0~ 70) kVDC	TCVN 6627-1:2014 (IEC 60034-1:2010) QCVN QTĐ - 5:2009/BCT (Điều/Clause 80)
3.		Đo điện trở một chiều các cuộn dây nguồn <i>Measurement of DC resistance of windings</i>	0,05 μΩ/(0,1 μΩ~100 kΩ) 0,1 mA/(25 mA~15 A)	IEEE Std 62.2 -2004
4.	Máy biến áp <i>Power transformer</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	0,1 kΩ/(5 kΩ~15 TΩ) 1 V/(500~5000) V	QCVN QTĐ - 5:2009/BCT (Điều/Clause 27) IEEE C57.152-2013
5.		Đo điện trở một chiều các cuộn dây <i>Measurement of DC resistance of windings</i>	0,05 μΩ/(0,1 μΩ~100 kΩ) 0,1 mA/(25 mA~15 A)	QCVN QTĐ - 5:2009/BCT (Điều/Clause 27) IEEE C57.152-2013
6.		Đo tỷ số biến áp và xác định tổ nối dây <i>Measurement of voltage ratio and phase relationship</i>	0,05/(0,8~50000) 0,1/(4, 40, 100, 250) V 0,2 °/(2~360) °	QCVN QTĐ - 5:2009/BCT (Điều/Clause 27) IEEE C57.152-2013
7.	Máy biến áp <i>Power transformer</i>	Kiểm tra độ bền của điện môi ($U_r \leq 35$ kV) <i>Power frequency withstand voltage test (with $U_r \leq 35$ kV)</i>	0,1 kV/(1 ~ 130) kVAC	TCVN 6306-3:2006
8.	Máy biến dòng điện <i>Current transformer</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	0,1 kΩ/(5 kΩ~15 TΩ) 1 V/(500~5000) V	QCVN QTĐ - 5:2009/BCT (Điều/Clause 29)
9.		Đo điện trở một chiều các cuộn dây <i>Measurement of DC resistance of windings</i>	0,05 μΩ/(0,1 μΩ~100 kΩ) 0,1 mA/(25 mA~15 A)	IEEE C57.13-2016

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 878

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
10.	Máy biến dòng điện <i>Current transformer</i>	Đo tỷ số biến và xác định cực tính <i>Measurement of ratio and polarity check</i>	0,05/(0,8~50000) 0,1/(4, 40, 100, 250)V 0,2°/(2~360)°	QCVN QTĐ - 5:2009/BCT (Điều/Clause 29) IEEE C57.13-2016
11.		Kiểm tra độ bền của điện môi ($U_r \leq 35$ kV) <i>Power frequency withstand voltage test (with $U_r \leq 35$ kV)</i>	0,1 kV/(0~130) kVAC	TCVN 11845-1:2017
12.	Máy biến điện áp <i>Voltage transformer</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	0,1 k Ω /(5 k Ω ~15 T Ω) 1 V/(500~5000) V	QCVN QTĐ - 5:2009/BCT (Điều/Clause 28)
13.		Đo điện trở một chiều các cuộn dây <i>Measurement of DC resistance of windings</i>	0,05 $\mu\Omega$ /(0,5 $\mu\Omega$ ~100 k Ω) 0,1 mA/ (25 mA~15A)	IEEE C57.13-2016
14.		Đo tỷ số biến và xác định cực tính <i>Measurement of ratio and polarity check</i>	0,05/(0,8~50000) 0,1/(4, 40, 100, 250) V 0,2 °/(2~360)°	QCVN QTĐ - 5:2009/BCT (Điều/Clause 28) IEEE C57.13-2016
15.		Kiểm tra độ bền của điện môi ($U_r \leq 35$ kV) <i>Power frequency withstand voltage test (with $U_r \leq 35$ kV)</i>	0,1 kV/(0~130) kVAC	TCVN 11845-1:2017
16.	Máy cắt điện cao áp <i>High voltage Circuit Breaker</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	0,1 k Ω /(5 k Ω ~15 T Ω) 1 V/(500~5000) V	QCVN QTĐ - 5:2009/BCT (Điều/Clause 30, 31, 32, 33)
17.		Kiểm tra độ bền của điện môi ($U_r \leq 35$ kV) <i>Power frequency withstand voltage test (with $U_r \leq 35$ kV)</i>	0,1 kV/(0~130) kVAC	IEC 62271-1:2017 IEC 62271-100:2021
18.		Đo điện trở tiếp xúc của các tiếp điểm chính <i>Measurement of the resistance of the main circuit</i>	0,1 $\mu\Omega$ /(1 $\mu\Omega$ ~5 Ω) 0,1 A/(1~200) A	QCVN QTĐ - 5:2009/BCT (Điều/Clause 30, 31, 32, 33) IEC 62271-1:2017 IEC 62271-100:2021

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 878

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
19.	Dao cách ly cao áp High voltage disconnector	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	0,1 kΩ/(5 kΩ ~ 15 TΩ) 1 V/(500~5000) V	QCVN QTĐ - 5:2009/BCT (Điều/Clause 34)
20.		Kiểm tra độ bền của điện môi ($U_r \leq 35$ kV) <i>Power frequency withstand voltage test (with $U_r \leq 35$ kV)</i>	0,1 kV/(0~130) kVAC	IEC 62271-1:2017 IEC 62271-102:2018
21.		Đo điện trở tiếp xúc của các tiếp điểm chính <i>Measurement of the resistance of the main circuit</i>	0,1 μΩ/(1 μΩ~5 Ω) 0,1 A/(1~200) A	QCVN QTĐ - 5:2009/BCT (Điều/Clause 34) IEC 62271-1:2017 IEC 62271-102:2018
22.	Cáp điện lực Power cable	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	0,1 kΩ/(5 kΩ~15 TΩ) 1 V/(500~5000) V	QCVN QTĐ - 5:2009/BCT (Điều/Clause 18)
23.		Thử nghiệm chịu độ bền điện môi và đo dòng rò <i>Withstand voltage and leakage current measurement</i>	0,1 kV/(0~130) kVAC (0~180) mAAC 0,1 kV/(0~70) kVDC (0,1~25) mADC	TCVN 5935-1:2013 TCVN 5935-2:2013
24.	Role bảo vệ dòng điện Over/Under current protection relays	Thử chức năng bảo vệ quá/thấp dòng điện <i>Over/Under current protection test</i>	1 mA/(0~32) A 0,001 °/(0~360) ° 1 ms/(0~1000) s	IEC 60255-1:2022 IEC 60255-151:2009
25.	Role bảo vệ điện áp Over/Under voltage protection relays	Thử chức năng bảo vệ quá/thấp điện áp <i>Over/Under voltage protection test</i>	13 mV/(0~300) V 1 ms/(0~1000) s	IEC 60255-1:2022 IEC 60255-127:2010
26.	Role bảo vệ tần số Frequency protection relays	Thử chức năng bảo vệ tần số <i>Frequency protection test</i>	0,001 Hz/(0~3000) Hz 1 ms/(0~1000) s	IEC 60255-1:2022 IEC 60255-181:2009
27.	Rơ le bảo vệ khoảng cách Distance protection relays	Thử chức năng bảo vệ khoảng cách <i>Distance protection test</i>	13 mV/(0~300) V 1 mA/(0~32) A 0,001 °/(0~360) ° 1 ms/(0~1000) s	IEC 60255-1:2022 IEC 60255-121:2014

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 878

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
28.	Rơ le so lệch dòng điện <i>Differential protection relays</i>	Thử chức năng bảo vệ so lệch <i>Differerntial protection test</i>	1 mA/(0~32) A 0,001 %/(0~360) ° 1 ms/(0~1000) s	IEC 60255-1:2022 IEC 60255-13:1980 IEC 60255-187-1:2021
29.	Dầu cách điện <i>Insulating oil</i>	Đo điện áp đánh thủng <i>Breakdown voltage test</i>	0,1 kV/(1~80) kV	IEC 60156:2025 QCVN QTĐ - 5:2009/BCT (Điều/Clause 27, 65)
30.	Chống sét van <i>Lightning Arrester</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	0,1 kΩ/(5 kΩ~15 TΩ) 1 V/(500~5000) V	QCVN QTĐ - 5:2009/BCT (Điều/Clause 38)
31.	Chống sét van <i>Lightning Arrester</i>	Đo dòng điện rò và điện áp tham khảo (Áp dụng đối với chống sét van ôxit kim loại không he hở) <i>Measurement of reference current and voltage (apply with metal – oxide surge arresters without gaps)</i>	(0 ~ 180) mA (0 ~ 130) kVAC	IEC 60099-4:2014 TCVN 8097-1:2010
32.	Hệ thống nối đất <i>Earthing system</i>	Đo điện trở nối đất <i>Measurement of ground impedance</i>	0,001 Ω/(0,001 Ω~99,99 kΩ)	IEEE Std 81-2025
33.		Đo điện trở suất của đất <i>Measurement of earth resistivity</i>	0,01 Ω/(0,01 Ω~99,99 kΩ)	IEEE Std 81-2025

Ghi chú/ Notes:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Viet Nam Standard*
- IEC: Ủy ban kỹ thuật điện Quốc tế/ *International Electrotechnical Commission*
- QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật điện quốc gia/ *National Technical Regulations*
- IEEE: Viện kỹ nghệ Điện và Điện tử/ *Institute of Electrical and Electronic Engineers*
- (x): Phép thử có thực hiện tại hiện trường/ *On- site tests*.

Trường hợp Công ty Cổ phần Điện Gia Lai cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Điện Gia Lai phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này. / *It is mandatory for Gia Lai Electricity Joint Stock Company (GEC) that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

